

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**



**BÁO CÁO CÔNG TRÌNH
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN
NĂM HỌC 2014 – 2015**

(Bản tóm tắt)

**TÊN ĐỀ TÀI: ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG
CHUẨN MỤC KẾ TOÁN QUỐC TẾ IAS 41 – NÔNG NGHIỆP
TẠI VIỆT NAM**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Hải Hà
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Tuyết Chinh
Ninh Thị Yên
Lớp : QH-2012-E Kế Toán

Hà Nội 2015

Tóm tắt

Việt Nam là nước có thế mạnh về nông nghiệp. Trong những năm gần đây, nông nghiệp đang thu hút đầu tư cả trong và ngoài nước, hướng đến nền nông nghiệp hiện đại, phát triển bền vững. Tuy vậy, hiện tại, Việt Nam vẫn chưa có chuẩn mực kế toán cụ thể dành riêng cho lĩnh vực này. Việc ghi nhận tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp thực tế đã được áp dụng theo VAS 3 - Tài sản cố định hữu hình và VAS 2 - Hàng tồn kho dựa trên nguyên tắc giá gốc. Trong khi đó, CMKT quốc tế IAS 41 – Nông nghiệp đã được ban hành từ năm 2001, được rất nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng, trong đó bao gồm cả những nước đang phát triển trong khu vực Đông Nam Á như Malaysia, Philippine, Vậy tại sao Việt Nam vẫn chưa có CMKT riêng dành cho lĩnh vực nông nghiệp? Việt Nam có cần thiết xây dựng chuẩn mực kế toán riêng biệt về nông nghiệp, tiến tới áp dụng IAS 41 hay không? Việt Nam có khả năng áp dụng CMKT Quốc tế IAS 41 – Nông nghiệp hay

không? Và cần những điều kiện gì để áp dụng? Bài nghiên cứu do nhóm giảng viên và sinh viên khoa Kế toán - Kiểm toán, trường Đại học Kinh Tế, ĐHQGHN thực hiện nhằm tập trung trả lời những câu hỏi nghiên cứu trên. Đề tài giới thiệu tình hình áp dụng IAS 41 tại các quốc gia trên thế giới, **sự khác biệt căn bản giữa IAS 41 và thực hành kế toán nông nghiệp Việt Nam hiện nay, xem xét tác động của việc áp dụng IAS 41 đến thông tin tài chính; đánh giá về các khả năng áp dụng, các điều kiện áp dụng và lộ trình thích hợp để áp dụng IAS 41 tại Việt Nam, đồng thời mở ra các hướng nghiên cứu tiếp theo về các vấn đề liên quan đến Chuẩn mực kế toán Quốc tế nói chung, về giá trị hợp lý và IAS 41 nói riêng.**

Trong các giải pháp này, các tập đoàn lớn như Hoàng Anh Gia Lai, CTCP Sữa TH - TH True milk, tập đoàn Hoà Phát,... đã đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp. Bên cạnh đó, cùng với mô hình liên kết công - tư (Public Private Partnership – PPP), nông nghiệp đang thu hút nguồn vốn đầu tư FDI từ Nhật Bản, Hà Lan, Hàn Quốc,... hướng đến nền nông nghiệp hiện đại, phát triển bền vững.

Tuy nông nghiệp đang là ngành thu hút đầu tư cả trong và ngoài nước, cũng như có nhiều đặc thù trong sản xuất, kinh doanh so với các ngành khác nhưng hiện Việt Nam vẫn chưa có chuẩn mực kế toán cụ thể dành riêng cho lĩnh vực này. Việc ghi nhận và đo lường theo CMKT Quốc tế IAS 41 – Nông nghiệp và theo VAS hiện tại có nhiều điểm khác biệt quan trọng.

Về cơ bản, nội dung thực hành kế toán theo IAS 41 và theo VAS như sau:

Phạm vi áp dụng IAS 41 bao gồm: các tài sản sinh học, sản phẩm nông nghiệp ở thời điểm thu hoạch và trợ cấp chính phủ liên quan đến tài sản sinh học. Theo IAS 41, tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp được đo lường theo giá trị hợp lý trừ đi chi phí bán hàng ước tính. Trong đó, giá trị hợp lý là giá dựa trên thị trường của tài sản và chi phí bán hàng ước tính bao gồm các loại phí, thuế để bán tài sản, không bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí cần thiết khác để đưa sản phẩm vào thị trường. Định kỳ, tài sản được đánh giá lại theo giá trị hợp lý, thay đổi về giá trị ghi sổ của tài sản sinh học được ghi nhận là lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh.

Còn ở Việt Nam, các sản phẩm chưa thu hoạch được ghi nhận là sản phẩm dở dang, sản phẩm đã thu hoạch được ghi nhận là thành phẩm theo VAS 2 – Hàng tồn kho, còn tài sản sinh học được theo dõi qua ba chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại theo VAS 3 – Tài sản cố định hữu hình. Cả tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp đều được hạch toán dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Điều dễ nhận thấy điểm bất hợp lý trong thực hành kế toán theo VAS là: giá trị còn lại của tài sản giảm dần qua các năm, không theo dõi được chu trình sinh trưởng của tài sản, không phản ánh đúng giá trị thực sự của tài sản cũng như mức độ biến động giá tài sản trên thị trường (trong khi tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp thường biến động nhiều theo các điều kiện tự nhiên, hay yếu tố mùa vụ). Ngoài ra, giá trị tài sản chịu ảnh hưởng bởi phương pháp khấu hao, sử dụng phương pháp khấu hao khác nhau sẽ cho ra giá trị còn lại khác nhau. Nguyên tắc giá gốc cũng khiến thông tin được cung cấp mang tính lịch sử, không thích hợp cho việc ra quyết định của các bên liên quan, như nhà quản trị, chủ nợ hay nhà đầu tư.

Như vậy, trong thời gian tới, Việt Nam có nên áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 41 – Nông nghiệp hay xây dựng riêng một chuẩn mực kế toán Việt Nam về nông nghiệp hoặc giữ nguyên cách thức hạch toán kế toán nông nghiệp như hiện nay là mối quan tâm lớn đối với cơ quan quản lý nhà nước, đối với người hành nghề kế toán và các chuyên gia nghiên cứu. Căn cứ vào việc phân tích tổng quan các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước kết hợp với kết quả phỏng vấn các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực kế toán, bài nghiên cứu đưa ra nhận định của nhóm tác giả về vấn đề nêu trên.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu dựa trên phương pháp tổng quan tài liệu và phương pháp chuyên gia.

Trong đó, phương pháp tổng quan tài liệu là phương pháp thu thập thông tin gián tiếp từ tài liệu nghiên cứu có liên quan trong quá khứ, tổng hợp phân tích các nội dung đã được nghiên cứu cũng như các lỗ hổng cần nghiên cứu thêm xoay quanh vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp chuyên gia giúp tập hợp và điều tra ý kiến các chuyên gia để nhận định một sự kiện khoa học hay một giải pháp thông tin, hay đánh giá một công trình khoa học, thông qua việc thu thập và xử lý các đánh giá đó, đưa ra tổng kết kinh nghiệm và những dự báo khách quan về vấn đề nghiên cứu trong tương lai.

Phương pháp chuyên gia được áp dụng có hiệu quả cho những đối tượng thiếu (hoặc chưa đủ) số liệu thống kê, số liệu có độ bất ổn lớn hoặc đối tượng của dự báo phức tạp không có số liệu nền. Kết quả của phương pháp dự báo này chủ yếu phục vụ cho nhu cầu định hướng, nhất là với những đề tài nghiên cứu mới.

Cấu trúc bài nghiên cứu

Bài nghiên cứu gồm 5 nội dung chính sau:

Chương 1: Giới thiệu chung

Chương 2: Tổng quan tài liệu

Chương 3: Nội dung IAS 41 và những vấn đề liên quan

Chương 4: Thực hành kế toán trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam hiện nay

Chương 5: Đánh giá khả năng áp dụng IAS 41 tại Việt Nam

Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong vòng 5 năm gần đây, trên thế giới có khá nhiều công trình nghiên cứu về các chuẩn mực quốc tế và liên quan cụ thể đến IAS 41.

Liliana Feleagă và Niculae Feleagă and Vasile Răileanu (2012) đã nghiên cứu và chỉ ra những rào cản để áp dụng IAS 41 vào hệ thống CMKT tại Romani, gồm: (i) Chi phí để ghi nhận tài sản sinh học theo giá trị hợp lý có thể lớn hơn lợi ích đem lại, (ii) IAS 41 làm tăng tính biến động của lợi nhuận và (iii) Tính chủ quan trong việc lựa chọn tỷ suất chiết khấu trong định giá tài sản sinh học [1].

Charles Elad và Kathleen Herbohn (2011) đã chỉ ra những điểm khác biệt về lựa chọn chính sách kế toán của các đơn vị nông nghiệp tại các quốc gia đã áp dụng IAS 41 là Australia, Pháp và Anh. Hầu hết các công ty Pháp sử dụng phương pháp giá gốc (45%) và giá trị hợp lý (25%) để đo lường giá trị tài sản sinh học, còn tại Anh và Australia, phương pháp giá trị hiện tại đang được vận dụng phổ biến hơn [2].

Adrienna Huffman (2014) đã khảo sát 182 công ty tầm cỡ quốc tế tại 33 quốc gia đã tiếp cận IAS 41 để khẳng định: các phương pháp đo lường phù hợp với thực tế sử dụng tài sản giúp cung cấp nhiều thông tin thích hợp hơn, như: tài sản sinh học dùng để trao đổi (in-exchange biological assets) được định giá theo giá trị hợp lý và tài sản sinh học để sử dụng (in-use biological assets) được định giá theo phương pháp giá gốc là phù hợp [3].

Margie Joyno Clavano (2014) cung cấp thông tin về các phương pháp định giá tài sản sinh học và mức độ tuân thủ IAS 41 của các công ty tại vùng Davao – Philippines qua nghiên cứu mô tả và hồi quy tương quan. Tác giả nhận thấy sự lựa chọn phương pháp định giá của các công ty nông nghiệp có liên quan với quy mô doanh nghiệp và quan điểm của công ty kiểm toán [4].

Rute Gonçalves & Patrícia Lopes (2013) tìm ra các yếu tố giải thích sự khác biệt về mức độ tuân thủ IAS 41 giữa các doanh nghiệp niêm yết. Bài nghiên cứu đã giới thiệu các tiêu chuẩn ghi nhận tài sản sinh học tại các công ty không kinh doanh chính về nông nghiệp, để thấy được sự khác nhau cơ bản về định giá tài sản sinh học giữa các công ty đó với những doanh nghiệp hoạt động nông nghiệp là chính. Bài viết cũng chỉ ra rằng việc trình bày các yếu tố liên quan đến nông nghiệp theo IAS 41 là thực sự cần thiết [5].

Nită Cornel & Petru Stefea (2014) đã nghiên cứu về tác động của IAS 41 đến các doanh nghiệp cây trồng thuộc Liên minh Châu Âu (EU) và đưa ra kết luận: mô hình giá trị hợp lý là mô hình thích hợp nhất trong định giá tài sản sinh học. Nghiên cứu cũng chỉ ra các vấn đề khi áp dụng IAS 41 tại khu vực này, đó là: (i) Tính chính xác của thông tin được trình bày khi các điều kiện khí hậu đang ảnh hưởng đến sản xuất vụ mùa, tác động đến giá trị hợp lý của tài sản; (ii) Thay đổi về giá trị hợp lý tại thời điểm thu hoạch có thể dẫn đến tổng giá trị tài sản bị giảm một khoản lớn; (iii) Có thể các doanh nghiệp sẽ áp dụng mô hình giá trị hợp lý một cách chủ quan dựa trên lợi ích của đơn vị, dẫn đến các thông tin tài chính kém tin cậy [6].

Hana BOHUŠOVÁ và cộng sự (2012) tiếp cận thực tế ứng dụng của IAS 41 thông qua phân tích so sánh bốn hệ thống kế toán - Pháp, Anh, Mỹ, Úc; và xác định các đặc tính của sản phẩm nông nghiệp, tài sản sinh học và biến đổi sinh học. Việc xác định giá trị hợp lý của tài sản sinh học đảm bảo rằng tác động của biến đổi sinh học và thay đổi giá cả được công nhận trong các báo cáo tài chính, làm cho lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản sinh học thay đổi. Theo đó, ảnh hưởng của sự biến đổi sinh học sẽ được phản ánh vào báo cáo lãi lỗ trong kỳ; sự thay đổi trong giá trị hợp lý của tài sản nông nghiệp do biến động giá mua vào được báo cáo theo quy định của nguyên tắc thận trọng, các khoản giảm giá sẽ được hạch toán là chi phí trong kỳ nếu không được đánh giá lại. Như vậy, thay

đổi trong giá trị hợp lý của tài sản sinh học do biến đổi sinh học và do sự thay đổi giá sẽ được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp [7].

Tổng quan tài liệu trong nước

Các đề tài nghiên cứu, bài báo, tạp chí trong nước đề cập dưới đây có nội dung gần với đề tài nghiên cứu lựa chọn.

PGS.TS. Hoàng Tùng và ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân (2013) đã đưa ra hướng vận dụng CMKT quốc tế về nông nghiệp (IAS 41) vào các doanh nghiệp trồng cây công nghiệp ở Việt Nam, gồm: vấn đề tính giá vườn cây tại thời điểm lập báo cáo tài chính, vấn đề ghi nhận sản phẩm thu hoạch từ hoạt động nông nghiệp, vấn đề lựa chọn phương pháp tính khấu hao và vấn đề công bố thông tin đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp [8].

ThS. Lê Hương Thủy (2010) đưa ra sự so sánh quy định về việc ghi nhận và báo cáo về các tài sản sinh học của IAS 41 và CMKT Việt Nam, chỉ ra những điểm không còn phù hợp và khuyến nghị sửa đổi, bổ sung CMKT Việt Nam đối với tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp tại thời điểm thu hoạch nhằm giải quyết các khó khăn trong thực hành kế toán và đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế [9].

ThS. Hoàng Thụy Diệu Linh (2013) chỉ ra việc áp dụng IAS 41 và các chuẩn mực có liên quan đến giá trị hợp lý phụ thuộc rất nhiều vào việc tồn tại thị trường hoạt động làm căn cứ đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các đối tượng kế toán [10].

Nguyễn Thế Lộc (2010) cho rằng việc sử dụng giá trị hợp lý chỉ thích hợp và đáng tin cậy khi thông tin về giá trị hợp lý của tài sản hay nợ phải trả có thể đảm bảo cân đối được các đặc tính chất lượng của thông tin cần có cũng như đáp ứng được yêu cầu thông tin hữu ích của các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính. Khi các thông tin thị trường không sẵn có, việc áp dụng giá trị hợp lý dựa vào các công thức toán học thuần túy trong các mô hình định giá sẽ làm giảm tính tin cậy của thông tin trình bày trên báo cáo tài chính [11].

Như vậy, mặc dù các công trình nghiên cứu trong nước đã đề cập đến sự khác biệt giữa VAS và IAS 41, hướng áp dụng IAS 41 vào Việt Nam cũng như minh chứng về tính thích hợp và đáng tin cậy khi vận dụng kế toán giá trị hợp lý, nhưng chưa có đề tài nào nghiên cứu sâu về tính cần thiết cũng như khả năng áp dụng IAS 41 tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát và thu về 14 ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và thuế đến từ Vụ quản lý thuế doanh nghiệp lớn, Tổng cục thuế; Vụ Tài chính – Kế toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; CTCP Tập đoàn Nguồn lực Việt và trường Đại học Kinh Tế - ĐHQGHN về các vấn đề liên quan đến khả năng áp dụng IAS 41 tại Việt Nam.

Vấn đề 1: Nguyên nhân Việt Nam chưa có Chuẩn mực kế toán riêng biệt cho lĩnh vực nông nghiệp

11/14 chuyên gia đồng ý rằng nguyên nhân quan trọng xuất phát từ số lượng các doanh nghiệp nông nghiệp niêm yết còn ít, quy mô ngành khá nhỏ (chưa đến 5% vốn hóa toàn thị trường) nên vấn đề hạch toán kế toán trong lĩnh vực nông nghiệp chưa được coi trọng. Ngoài ra, các chuyên gia cũng đưa ra thêm một số nguyên nhân khác dẫn đến tình trạng này, như: (i) Thị trường và kênh phân phối ở Việt Nam manh mún, nhỏ lẻ, khâu bảo quản kém,... khiến giá trị sản phẩm nông nghiệp chưa cao; và(ii) Đại bộ phận sản phẩm nông nghiệp thuộc về khu vực kinh tế hộ gia đình – khu vực không sử dụng kế toán, không cần những chuẩn mực quốc tế phức tạp, khó làm.

Vấn đề 2: Những trở ngại chính khiến IAS 41 dù được áp dụng tại rất nhiều nước trên thế giới nhưng vẫn chưa được áp dụng tại Việt Nam

10/14 chuyên gia đồng ý rằng trở ngại lớn nhất đến từ thị trường: do Việt Nam thiếu các

thị trường hoạt động và thanh khoản làm cơ sở định giá giá trị hợp lý cho tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp. Ngoài ra, chi phí đo lường, theo dõi tài sản sinh học theo giá trị hợp lý vào cuối mỗi năm tài chính hoặc mỗi kỳ báo cáo tạm thời có thể lớn hơn lợi ích đạt được cũng là một rào cản lớn.

Vấn đề 3: Sự cần thiết áp dụng IAS 41 trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam

Có hai luồng ý kiến trái chiều khi đánh giá về sự cần thiết phải áp dụng IAS 41 trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam: trong khi 12/14 chuyên gia cho rằng Việt Nam cần thiết áp dụng IAS 41 thì ý kiến của 2 chuyên gia còn lại đến từ Vụ quản lý thuế doanh nghiệp lớn - Tổng cục thuế lại cho rằng Việt Nam không cần thiết xây dựng chuẩn mực kế toán về nông nghiệp, tiến tới áp dụng IAS 41.

Luồng ý kiến thứ nhất: Việt Nam cần thiết xây dựng chuẩn mực kế toán về nông nghiệp, tiến tới áp dụng IAS 41, những nguyên nhân được đưa ra gồm: Việt Nam là nước nông nghiệp, không thể không có VAS riêng biệt cho lĩnh vực nông nghiệp, ngoài ra áp dụng IAS 41 giúp giải quyết các hạn chế khi hạch toán tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp theo VAS 2 và VAS 3, khắc phục tình trạng thiếu thông tin, từ đó tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI, mở ra xu hướng hội nhập quốc tế trong cả tài chính, kế toán và nông nghiệp.

Luồng thứ hai: Việt Nam không cần thiết xây dựng chuẩn mực kế toán về nông nghiệp, tiến tới áp dụng IAS 41 do: Số lượng các doanh nghiệp nông nghiệp niêm yết ít, phạm vi hẹp và thực tiễn khó thực hiện; IAS 41 chỉ nên áp dụng và thực sự có hiệu quả tại các quốc gia phát triển, hay Việt Nam có thể tự xây dựng chuẩn mực kế toán mới trong lĩnh vực nông nghiệp cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong nước. Ngoài ra, chuyên gia nhận định: tính khả thi, tính cần thiết và tính hiệu quả cho thấy chưa đến lúc Việt Nam phải ban hành, áp dụng chuẩn mực này.

Vấn đề 4: Lựa chọn của Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kế toán trước sức ép minh bạch thông tin tài chính và xu hướng hoà nhập với IFRS/IAS

79% chuyên gia cho rằng cơ quan quản lý nhà nước nên xây dựng chuẩn mực mới về hoạt động nông nghiệp dựa trên cơ sở IAS 41, tạo điều kiện để Việt Nam từ từ tiếp nhận IAS 41. Các chuyên gia cũng cho biết thêm: Việc lựa chọn áp dụng trực tiếp IAS 41 hay ban hành một chuẩn mực riêng của Việt Nam trên cơ sở IAS 41 phụ thuộc vào chiến lược của Bộ Tài Chính cho toàn bộ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hai trong số các rào cản của việc áp dụng toàn bộ IFRS tại Việt Nam là: ngôn ngữ và thói quen trong thực hành nghề nghiệp của các kế toán viên (IFRS dựa trên nguyên tắc (principles – based) còn chế độ kế toán Việt Nam dựa trên luật lệ (rules - based)). Do đó, một hướng chung rút ra từ một số nước đã áp dụng là cho phép áp dụng trực tiếp IFRS nhưng vẫn ban hành chuẩn mực quốc gia theo hướng bám sát với IFRS; và để ban hành chuẩn mực mới dựa trên IAS 41, Việt Nam cần có lộ trình phù hợp từ khảo sát, đánh giá thực tiễn trong quá trình triển khai nghiên cứu.

Vấn đề 5: Các điều kiện căn bản cần thiết để Việt Nam có thể áp dụng IAS 41

Đầu tiên, để áp dụng IAS 41, CMKT Việt Nam cần thừa nhận và đưa vào sử dụng nguyên tắc kế toán giá trị hợp lý. Ngoài ra, cần có thị trường hoạt động và thanh khoản tạo cơ sở tham chiếu, đo lường giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho các tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp, cần có nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng hiểu và vận dụng các Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS nói chung và IAS 41 nói riêng, cũng như về phía Chính phủ cần tiếp tục ban hành và thực thi các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nông nghiệp phát triển, tiến tới niêm yết trên sàn giao dịch, mở rộng quy mô ngành, tạo áp lực cạnh tranh và tăng cơ hội hội nhập quốc tế. Thêm vào đó, cần có một lộ trình (cả trong ngắn hạn và dài hạn) thích hợp để áp dụng

Chuẩn mực này.

Vấn đề 6: Đánh giá khả năng áp dụng IAS 41 tại Việt Nam

Căn cứ vào các điều kiện căn bản cần thiết trên, 12/14 chuyên gia đồng ý với phương án Việt Nam có khả năng áp dụng IAS 41 nhưng cần thời gian để hoàn thiện các điều kiện, cần xây dựng một lộ trình thích hợp để đưa IAS 41 vào áp dụng phù hợp với các điều kiện trong nước.

Như vậy, đa số ý kiến chuyên gia đồng ý rằng Việt Nam cần thiết và có khả năng áp dụng IAS 41, Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng đang có xu hướng sửa đổi, bổ sung theo hướng dựa trên Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế IFRS/IAS, tạo cơ sở hạch toán kế toán phù hợp với thông lệ quốc tế.

Nhận định của nhóm nghiên cứu và các khuyến nghị

Nhóm đưa ra những nhận định khoa học về đề tài được chọn như sau:

A. Hạch toán, ghi nhận và đo lường sản phẩm nông nghiệp có sự khác biệt rất lớn giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, dẫn đến sự chênh lệch giá trị ngành nông nghiệp giữa các quốc gia. Vì vậy, trong xu hướng hội nhập và cạnh tranh dòng vốn đầu tư toàn cầu, để nhà đầu tư có cái nhìn khách quan về trình độ phát triển nông nghiệp các nước và có niềm tin vào chất lượng thông tin tài chính trên thị trường vốn, Việt Nam cũng như các nước khác cần phản ánh giá trị tài sản của ngành theo chuẩn mực kế toán chung thống nhất.

B. Ngành nông nghiệp có các đặc thù riêng so với các ngành khác, vì vậy, việc sử dụng cũng như xác định giá trị một số loại tài sản của ngành cần có CMKT riêng do ngành quy định. Hơn nữa, Việt Nam là một nước nông nghiệp, xu hướng cổ phần hóa và tái cơ cấu ngành nông nghiệp sẽ làm tăng quy mô tập trung, phát triển của các doanh nghiệp nông nghiệp, vì thế sự ra đời của VAS về ngành nông nghiệp là hợp lý và cần thiết.

C. Xét với các điều kiện kinh tế nông nghiệp hiện tại, Việt Nam không nên áp dụng hoàn toàn theo IAS 41 ngay lập tức, tuy nhiên việc ban hành một CMKT Nông nghiệp dựa trên áp dụng có chọn lọc IAS 41 là cần thiết và khả thi, giúp các doanh nghiệp dần dần thích ứng với phương thức hạch toán mới cho tài sản nông nghiệp theo chuẩn quốc tế, tiến tới việc áp dụng hoàn toàn IAS 41, tạo nền tảng mở rộng quan hệ giao dịch trên thị trường nông sản thế giới, tăng khả năng thu hút nguồn vốn FDI đầu tư cho ngành nông nghiệp Việt Nam và điều kiện quốc tế thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp. Kế toán của ngành tiếp tục đổi mới VAS theo chuẩn IFRS/IAS, ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam về nông nghiệp dựa trên IAS 41, hướng tới từng bước áp dụng IAS 41. Bài nghiên cứu đưa ra một số định hướng về lộ trình xây dựng và áp dụng chuẩn mực kế toán mới về nông nghiệp như sau:

1. Định hướng trong ngắn hạn

A. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tăng cường các hội thảo nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận về việc phát triển và sử dụng giá trị hợp lý đến các đối tượng lập và sử dụng báo cáo tài chính

B. Có các chính sách ưu đãi thúc đẩy đầu tư vào ngành nông nghiệp, hoạt động nông nghiệp theo tổ chức, quy hoạch phù hợp

C. Điều chỉnh Luật kế toán, chuẩn mực chung (VAS 1), ban hành hướng dẫn ghi nhận và đo lường tài sản theo giá trị hợp lý

D. Nâng cao cơ sở hạ tầng, cải thiện thủ tục hành chính nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp

2. Định hướng về dài hạn

A. Đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, hiệu và vận dụng được các chuẩn mực theo hướng chuẩn quốc tế

B. Ban hành chuẩn mực về đo lường giá trị hợp lý và chuẩn mực riêng biệt cho lĩnh vực nông nghiệp (theo hướng áp dụng IAS 41)

C. Đầu tư để nghiên cứu thị trường nông sản Việt Nam, hoàn chỉnh một hệ thống thị trường hoạt động và thanh khoản cho tài sản sinh học (bằng cách ứng dụng sàn giao dịch điện tử, giao dịch kỳ hạn,...); đồng thời đồng bộ hoá hành lang pháp lý về kinh doanh

Như vậy, trước xu thế hội nhập của Việt Nam và ~~an ninh kinh tế~~ ~~kinh tế~~ thế giới cụ thể bằng sự gia nhập WTO, ký kết các hiệp định thương mại tự do FTA, cùng các hiệp định quốc tế khác, các hoạt động thương mại và đầu tư giữa Việt Nam với các nước đã được tạo điều kiện thuận lợi hơn, đồng thời đặt ra áp lực về chuẩn hoá cách thức hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Sự khác biệt trong cách thức hạch toán tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp hiện tại tại Việt Nam so với các nước trên thế giới đã tạo ra những rào cản cũng như thách thức trong quá trình hội nhập, phát triển của kinh tế nông nghiệp của nước ta. Vì thế việc ban hành chuẩn mực kế toán riêng biệt trong lĩnh vực nông nghiệp dựa trên áp dụng IAS 41 tại Việt Nam là cần thiết và khả thi, từng bước tiếp cận và tiến tới áp dụng hoàn toàn IAS 41. Đề tài có thể được hoàn thiện và phát triển theo các hướng sau (i) Tiếp cận với số liệu thực tế về tài sản sinh học và sản phẩm nông nghiệp một số doanh nghiệp cụ thể; (ii) Tiến hành mở rộng quy mô khảo sát, nhằm đa dạng hoá kết quả, đưa đề tài nghiên cứu đến gần với thực tiễn hơn và (iii) Tìm ra mối liên hệ định lượng, đánh giá mức độ tác động của các nhân tố chính làm ảnh hưởng đến việc áp dụng IAS 41 tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Liliana Feleagă, Niculae Feleagăand Vasile Răileanu, “IAS 41 Implementation Challenges – The Case of Romania”, 2012.
2. Charles Elad and Kathleen Herbohn, “Implementing fair value accounting in the agricultural sector”, 2011.
3. Adrienna Huffman, “Matching Measurement to Asset Use: Evidence from IAS 41”, A.B. Freeman School of Business - Tulane University, 2014.
4. Margie Joyno Clavano, “Factors that Influence the Valuation of Biological Assets and Compliance with IAS 41/PAS 41 Mandatory Disclosures by Selected Agricultural Companies in Davao Region”, 2014.
5. Rute Gonçalves & Patrícia Lopes, “Firm-specific determinants of agricultural financial reporting”, 2013.
6. Niță Cornel & Petru Stefea, “International accounting standard 41 (IAS 41) – Implication for reporting crop assets”, 2014.
7. Hana BOHUŠOVÁ, Patrik SVOBODA, Danuše NERUDOVA, “Biological assets reporting: Is the increase in value caused by the biological transformation revenue?”, 2012.
8. PGS.TS Hoàng Tùng và ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân, “Vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về nông nghiệp (IAS 41) trong các doanh nghiệp trồng cây nông nghiệp Việt Nam”, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, Số tháng 1+2/2013, trang 29 – 32.
9. ThS. Lê Hương Thủy, “Sự khác biệt giữa kế toán Việt Nam và Quốc tế trong việc ghi nhận và báo cáo về giá trị các tài sản sinh học trong doanh nghiệp nông nghiệp”, 2010.
- 10. ThS. Hoàng Thụy Diệu Linh, “Chuẩn mực kế toán về nông nghiệp và tình hình áp dụng trên thế giới”, 2013.**
11. Nguyễn Thế Lộc, “Tính thích hợp và đáng tin cậy của “giá trị hợp lý” trong hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế”, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, Số 3 – tháng 2/2010.